

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 537/2023/HCPT

Ngày 24 tháng 7 năm 2023

*“V/v khiếu kiện yêu cầu hủy
quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Khúc Thị Hoàng Hạnh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 241/2023/TLPT-HC ngày 13 tháng 3 năm 2023 về *“Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*. Do bản án hành chính sơ thẩm số 29/2022/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7917/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1963; địa chỉ: Khố B, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Bá H, sinh năm 1988; địa chỉ: Công ty L2, số G N, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1957; địa chỉ: Khố T, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch UBND thị xã H, tỉnh Nghệ An.

2. Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu A, chức vụ: Chủ tịch UBND thị xã H; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bá B, chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

2. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1950; địa chỉ: Khối T, phường Q, thị xã H, Nghệ An; vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962; địa chỉ: Khối B, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An (chết).

Người kế thừa và quyền nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M:

3.1. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988; vắng mặt.

3.2. Anh Nguyễn Bá L1, sinh năm 1984; vắng mặt.

Cùng có địa chỉ: Khối B, phường Q, thị xã H, Nghệ An.

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Nguyễn Bá Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

- Người khởi kiện Nguyễn Bá Đ và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Năm 2013 khi thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thị xã H đã tiến hành thu hồi đất của ông tổng cộng 89,3m² đất, đã lập phương án bồi thường 24m² ngoài phạm vi 13,5m, còn 65,3m² trong phạm vi 13,5m (tính từ chân đường đến phạm vi 13,5m) không ban hành quyết định thu hồi và không bồi thường cho ông Đ.

Ông Đ khiếu nại và ngày 28/01/2020 Chủ tịch UBND thị xã H ban hành Quyết định số 167/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông Đ và ngày 04/02/2021 Chủ tịch UBND thị xã H ban hành Quyết định số 185/QĐ-UBND đình chính thời gian ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại và giữ nguyên nội dung Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 28/01/2020.

Chủ tịch UBND thị xã H căn cứ vào bản đồ 299 được đo vẽ năm 1982 hoàn thành năm 1986 để xác định phần tiếp giáp đường Q của ông Đ là đất hành lang giao thông và thửa đất do Hợp tác xã T3 quản lý; căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ được UBND thị xã H cấp năm 2015 không có phần diện tích đất tiếp giáp mặt tiền Quốc lộ A cũ để làm căn cứ không bồi thường cho ông Đ 65,3m² đất thu hồi trong phạm vi 13,5m tính từ chân đường Q là không đúng vì:

+ Về nguồn gốc thửa đất: Đất của ông Đ được Hợp tác xã T3 cấp cho ông Nguyễn Bá P, vợ là Lê Thị T1 từ năm 1979. Ông Đ nhận chuyển nhượng một phần với tổng diện tích là 357,6m² và năm 1994 ông Đ xây dựng nhà, sử dụng ổn định từ đó tới nay, không tranh chấp với bất kỳ ai. Căn cứ theo khoản 4 điều 50 Luật Đất đai năm 2003 thì toàn bộ diện tích đất của ông Đ đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ. Do thời điểm ông Đ làm thủ tục cấp GCNQSDĐ sau thời điểm thu hồi đất nên đương nhiên trong GCNQSDĐ sẽ không thể hiện diện tích đất

trong phạm vi 13,5m nên không thể căn cứ vào GCNQSDĐ cấp năm 2015 để giải quyết.

+ Về vị trí và diện tích thực tế của thửa đất: Theo Giấy xác nhận của ông Nguyễn Duy Â là nguyên Chủ nhiệm Hợp tác xã T3 giai đoạn từ năm 1981 tới năm 1985 thì đất của ông Đ có nguồn gốc từ đất của ông Nguyễn Bá P, vợ là bà Lê Thị T1 có phía Tây tiếp giáp đường Quốc Lộ 1A cũ. Theo bản đồ địa chính năm 1997 thì tiếp giáp đất của ông Đ là Quốc lộ A cũ. Theo trích lục và đo vẽ bổ sung Bản đồ địa chính khu đất số 205/2011/ BĐĐC.VPĐK do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh lập được Sở T4 xác nhận ngày 15/08/2011 thì tiếp giáp thửa đất của ông Đ là đường Q.

+ Như vậy, sau khi ông Đ nhận chuyển nhượng đất từ ông Nguyễn Bá P và bà Lê Thị T1 thì ông Đ đã quản lý, sử dụng từ đó tới thời điểm bị thu hồi đất năm 2013 và vị trí mà ông Đ sử dụng là giáp Quốc lộ A.

+ Theo sổ mục kê đất đai của UBND phường Q thì thửa đất của ông Đ có 376m² đất. Tuy nhiên, tại Văn bản số 1042/UBND-TNMT do UBND thị xã H ban hành thì sau khi thu hồi thực hiện dự án nâng cấp Quốc lộ A thì thửa đất của ông Đ còn tới 375,1m², thu hồi 65,3m² trong phạm vi 13,5m không được bồi thường, thu hồi 24m ngoài phạm vi 13,5m đã được bồi thường. Sau khi thu hồi 65,3m² (không bồi thường) và 24m² (có bồi thường) thì diện tích của ông Đ phải còn: 286,7m² chứ không phải là 150m² như theo GCNQSDĐ đã cấp năm 2015 cho ông Đ. Theo trích lục và đo vẽ bổ sung Bản đồ địa chính khu đất số 205/2011/BĐĐC.VPĐK do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh lập được Sở T4 xác nhận ngày 15/08/2011 thì diện tích đất của ông Đ trước thời điểm thu hồi là: 357,6m².

+ Từ những căn cứ trên thì đủ căn cứ để xác định thửa đất của ông Đ tiếp giáp với Quốc lộ A cũ và phần diện tích đất bị thu hồi trong phạm vi 13,5m thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Đ. Do đó, việc UBND thị xã H thu hồi đất của ông Đ 65,3m² nhưng không ban hành quyết định thu hồi, không bồi thường khi thu hồi đất theo quy định là hành vi trái pháp luật và ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ.

Do đó ông Đ khởi kiện yêu cầu:

1. Buộc UBND thị xã H ban hành quyết định thu hồi đất trong phạm vi 13,5m với diện tích bị thu hồi là 65,3m² và bồi thường diện tích đất đã bị thu hồi cho ông Đ.

2. Hủy Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 28/01/2020 của Chủ tịch UBND thị xã H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Bá Đ (lần đầu) và hủy Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của Chủ tịch UBND thị xã H về việc đình chính thời gian ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại.

- Người bị kiện Chủ tịch UBND thị xã H và UBND thị xã H trình bày:

Ông Nguyễn Bá Đ khiếu nại UBND thị xã H thu hồi của gia đình ông 65,3m²

đất trong phạm vi 13,5m tính từ chân đường Q, không có căn cứ bồi thường vì:

+ Nguồn gốc đất của ông Đ sử dụng là đất được Hợp tác xã T3 cấp đất ở cho ông Nguyễn Bá P (chồng của bà Lê Thị T1) năm 1979. Năm 2005 ông P nhượng một phần thửa đất cho ông Đ sử dụng ổn định từ đó đến nay. Thửa đất ông P cấp năm 1979 theo bản đồ 299 đo năm 1982 hoàn thành năm 1986 là thửa đất số 132 tờ bản đồ số 02, diện tích 1.945m², loại đất thổ cư. Theo bản đồ 299 phần đất của ông Đ đang sử dụng đến năm 2013 thu hồi được phản ánh thuộc 1 phần thửa đất số 132 tờ bản đồ số 02, diện tích 1.945m², loại đất thổ cư và 1 phần thửa đất số 207, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.558m², đất sân kho Hợp tác xã T3 quản lý; 1 phần thửa đất giao thông. Như vậy, phần đất ông P nhượng cho ông Đ là phần đất thuộc thửa 132 tờ bản đồ số 02 (bản đồ 299). Ông Đ đã được UBND thị xã H cấp GCNQSDĐ năm 2015, phạm vi cấp GCNQSDĐ cách tim đường Quốc lộ 1A là 20,5m; phạm vi cấp phép xây dựng cách tim đường Q 27m.

+ Về hồ sơ giải phóng mặt bằng dự án PMU1 năm 1995 (được U tại Sở G) không có hồ sơ của ông Đ. Trong danh sách hồ sơ đã được lập gồm 604 hộ của huyện Q, trong đó có 175 hộ tại xã Q được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2944/QĐ.UB ngày 21/11/1995 phê duyệt danh sách và kinh phí đền bù cho các hộ bị ảnh hưởng (PAPs) của huyện Q và đã được Cục giám định và QLCLCTGT Bộ G1 chấp thuận tại Quyết định số 802/GĐ ngày 29/11/1995 và trong danh sách hồ sơ đã được lập gồm 220 hộ của huyện Q, trong đó có 8 hộ tại xã Q được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2944/QĐ.UB ngày 21/11/1995 phê duyệt danh sách và kinh phí đền bù cho các hộ bị ảnh hưởng (PAPs) của huyện Q và đã được Cục Giám định và QLCLCTGT Bộ G1 chấp thuận tại Quyết định số 803/GĐ ngày 29/11/1995 không có tên của ông Nguyễn Bá Đ.

+ Như vậy, phần đất của ông Đ có nguồn gốc được Hợp tác xã T3 cấp cho ông Nguyễn Bá P là thửa đất số 132 tờ bản đồ số 02, diện tích 1.945m² và không cấp đất ra đến chân đường, không bao gồm phần đất trong phạm vi 13,5m. Phần đất trong phạm vi 13,5m là đất giao thông và đất do Hợp tác xã T3 quản lý. Hiện nay, phần diện tích ông Đ khiếu nại được thi công làm đường QL1A từ năm 2014 là đường giao thông, không được cấp GCNQSDĐ và không được bồi thường. UBND thị xã H căn cứ nguồn gốc đất, hồ sơ địa chính, bản đồ 299, bản đồ địa chính, GCNQSDĐ, thực tế quản lý đất tại địa phương (có hồ sơ kèm theo) để làm căn cứ ban hành các Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 28/01/2020; Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của Chủ tịch UBND thị xã H và việc ban hành các Quyết định trên là có căn cứ pháp luật và đúng quy định.

+ Đề nghị giữ nguyên Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 28/01/2020 của Chủ tịch UBND thị xã H và Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 về việc đình chỉ thời gian ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại ban hành và không có căn cứ để ra quyết định phê duyệt bồi thường cho ông Đ 65,3m² trong phạm vi 13,5m tính từ chân đường quốc lộ 1A cũ theo khởi kiện của ông Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường Q trình bày:

+ Thửa đất ông Nguyễn Bá Đ đang sử dụng thuộc thửa đất số 18, diện tích 357,6m² (theo Trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính khu đất số 205/2011/BĐĐC.VPĐK do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh lập được Sở T4 xác nhận ngày 15/8/2011) có nguồn gốc: Năm 2005 ông Nguyễn Bá P nhượng một phần đất cho ông Nguyễn Bá Đ sử dụng ổn định từ đó đến nay. Theo bản đồ 299 phần đất của ông Đ đang sử dụng đến năm 2013 thu hồi được phản ánh thuộc 1 phần thửa đất số 132 tờ bản đồ số 02, diện tích 1.945m², loại đất thổ cư và 1 phần thửa đất số 207, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.558m², đất sân kho Hợp tác xã T3 quản lý; 1 phần thửa đất giao thông.

+ Về hồ sơ quản lý đất đai lưu tại UBND phường Q: Theo bản đồ 299: Thửa đất của ông Nguyễn Bá Đ thuộc 1 phần thửa đất số 132 tờ bản đồ số 02, diện tích 1.945m² loại đất thổ cư, 1 phần thửa đất số 207, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.558m², đất sân kho Hợp tác xã T3 quản lý, 1 phần thửa đất giao thông. Thửa đất số 207 là đất của Hợp tác xã T3 bố trí làm kho, đến năm 1991 giải thể và thanh lý đất theo hình thức tách hộ cho ông Nguyễn Bá H1, Nguyễn Bá S, Nguyễn Bá H2, Nguyễn Bá T2 sử dụng. Theo bản đồ địa chính năm 1997: Thửa đất ông Nguyễn Bá Đ sử dụng đang do ông Nguyễn Bá P quản lý được phản ánh thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 132-75, diện tích 2.056m², loại đất thổ cư (Bản đồ địa chính được đo đạc năm 1997 nên lúc này ông Nguyễn Bá P chưa nhượng lại đất cho ông Nguyễn Bá Đ).

UBND phường Q khẳng định thửa đất số 207, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 299), diện tích 2558m² là đất của Hợp tác xã T3 bố trí làm kho, đến năm 1991 giải thể và thanh lý đất theo hình thức tách hộ cho ông Nguyễn Bá H1, Nguyễn Bá S, Nguyễn Bá H2, Nguyễn Bá T2. Thửa đất này ông Nguyễn Bá P không được UBND xã hay tổ chức nào cho phép sử dụng.

- Những người thừa kế quyền lợi nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị M: Đồng ý với yêu cầu khởi kiện và trình bày của ông Nguyễn Bá Đ.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2022/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; Mục 2 từ Điều 27 đến Điều 32 Luật Khiếu nại và Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá Đ đề nghị Tòa án: Hủy toàn bộ Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 28/01/2020 của Chủ tịch UBND thị xã H, về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Bá Đ, khôi T, phường Q (lần đầu) và Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của Chủ tịch UBND thị xã H về việc đình chính thời gian ban hành quyết định giải quyết khiếu nại và buộc UBND thị xã H ban hành quyết định thu hồi đất trong phạm vi 13,5m với diện tích bị thu hồi là 65,3m² và bồi thường diện tích đất đã bị thu hồi cho ông Nguyễn Bá Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Ngày 20/9/2022, người khởi kiện ông Nguyễn Bá Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và trình bày: Nguồn gốc thửa đất của ông Đ được Hợp tác xã cấp cho ông Nguyễn Bá P và bà Lê Thị T1 từ năm 1979. Ông Đ nhận chuyển nhượng một phần có diện tích là 357,6m² và năm 1994 ông Đ xây dựng nhà, sử dụng ổn định từ đó tới nay, không tranh chấp với bất kỳ ai. Căn cứ theo khoản 4 điều 50 Luật Đất đai năm 2003 thì toàn bộ diện tích đất của ông Đ đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ; do thời điểm ông Đ làm thủ tục cấp GCNQSDĐ sau thời điểm thu hồi đất nên trong GCNQSDĐ không thể hiện diện tích đất trong phạm vi 13,5m nên không thể căn cứ vào GCNQSDĐ cấp năm 2015 để giải quyết. Vị trí và diện tích thực tế của thửa đất thì theo Giấy xác nhận của ông Nguyễn Duy Á là nguyên Chủ nhiệm Hợp tác xã T3 thì đất của ông Đ có phía Tây tiếp giáp đường Quốc lộ 1A cũ; theo bản đồ địa chính năm 1997 thì tiếp giáp đất của ông Đ là Quốc lộ A cũ; theo trích lục và đo vẽ bổ sung Bản đồ địa chính khu đất số 205/2011/BĐĐC.VPĐK do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh lập được Sở T4 xác nhận ngày 15/08/2011 thì tiếp giáp thửa đất của ông Đ là đường Q. Như vậy, sau khi ông Đ nhận chuyển nhượng đất từ ông Nguyễn Bá P và bà Lê Thị T1 thì ông Đ đã quản lý, sử dụng từ đó tới thời điểm bị thu hồi đất năm 2013 và vị trí mà ông Đ sử dụng là giáp Quốc lộ A. Theo sổ mục kê đất đai của UBND phường Q thì thửa đất của ông Đ có diện tích 376m² đất nhưng tại Văn bản số 1042/UBND-TNMT do UBND thị xã H ban hành thì sau khi thu hồi thực hiện dự án nâng cấp Quốc lộ A thì thửa đất của ông Đ còn tới 375,1m², thu hồi 65,3m² trong phạm vi 13,5m không được bồi thường, thu hồi 24m ngoài phạm vi 13,5m đã được bồi thường. Sau khi thu hồi 65,3m² (không bồi thường) và 24m² (có bồi thường) thì diện tích của ông Đ còn lại phải là 286,7m² chứ không phải là 150m² như theo GCNQSDĐ đã cấp năm 2015 cho ông Đ. Theo trích lục và đo vẽ bổ sung Bản đồ địa chính khu đất số 205/2011/BĐĐC.VPĐK do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh lập được Sở T4 xác nhận ngày 15/08/2011 thì diện tích đất của ông Đ trước thời điểm thu hồi là: 357,6m². Từ những căn cứ trên thì đủ căn cứ để xác định thửa đất của ông Đ tiếp giáp với Quốc lộ A cũ và phần diện tích đất bị thu hồi trong phạm vi 13,5m thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Đ. Do đó, việc UBND thị xã H thu hồi đất của ông Đ 65,3m² nhưng không ban hành quyết định thu hồi, không bồi thường khi thu hồi đất theo quy định là hành vi trái pháp luật và ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Đ và sửa bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của ông Nguyễn Bá Đ là trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; bác kháng cáo của ông Nguyễn Bá Đ, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của Nguyễn Bá Đ là trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính và đã nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt người khởi kiện có kháng cáo nhưng có mặt người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện; vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án: Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 28/01/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Bá Đ (lần đầu) của Chủ tịch UBND thị xã H và Quyết định số 185/QĐ-UBND về việc đình chính thời gian ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại ban hành ngày 04/02/2021 là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính; người khởi kiện cho rằng các quyết định này xâm phạm đến quyền lợi nên ngày 28/04/2021 có đơn khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định nêu trên và yêu cầu được bồi thường. Bản án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, yêu cầu còn trong thời hiệu khởi kiện và xác định thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An là đúng theo khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của ông Nguyễn Bá Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định bị kiện:

Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 28/01/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Bá Đ (lần đầu) và Quyết định số 185/QĐ-UBND về việc đình

chính thời gian ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại ban hành ngày 04/02/2021 của Chủ tịch UBND thị xã H được ban hành là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 18; Mục 2, từ Điều 27 đến Điều 32 Luật Khiếu nại và Điều 204 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Về nội dung các quyết định bị kiện:

[2.2.1] Đối với Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 28/01/2020 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã H:

Về nguồn gốc, vị trí thửa đất do ông Nguyễn Bá Đ sử dụng: Căn các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, sự thừa nhận và trình bày của các đương sự xác định được: Nguồn gốc đất của ông Nguyễn Bá Đ sử dụng là đất được Hợp tác xã T3 cấp đất ở cho ông Nguyễn Bá P (chồng của bà Lê Thị T1) sử dụng từ năm 1979. Năm 2005 ông Nguyễn Bá P nhượng một phần thửa đất cho ông Đ và ông Đ sử dụng ổn định từ đó đến nay. Thửa đất ông P được cấp năm 1979 theo bản đồ 299 đo năm 1982, hoàn thành năm 1986 là thửa đất số 132 tờ bản đồ số 02, diện tích 1.945m², loại đất thổ cư. Các đương sự đều thừa nhận về nguồn gốc đất ông Đ sử dụng phù hợp nhau nên đây là vấn đề không phải chứng minh theo quy định khoản 2 Điều 79 Luật tố tụng Hành chính. Tại thời điểm thu hồi đất năm 2013, đất ông Đ đang sử dụng là thửa đất số 18, diện tích 357,6m² (theo Trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính khu đất số 205/2011/BĐĐC.VPĐK do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh lập được Sở T4 xác nhận ngày 15/8/2011). Đối chiếu vị trí thu hồi đất của ông Đ đang sử dụng tại thời điểm thu hồi năm 2013 so với bản đồ 299 được đo vẽ hoàn thành năm 1986 thấy: Thửa đất của ông Đ sử dụng thuộc 01 phần thửa đất số 132 tờ bản đồ số 02 (bản đồ 299) diện tích 1.945m² loại đất thổ cư (là thửa đất ông P được cấp 1979), 01 phần thuộc thửa đất số 207, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 299), diện tích 2.558m², đất sân kho Hợp tác xã T3 quản lý và 01 phần thửa đất giao thông. Theo bản đồ 299 vị trí thửa đất 207, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 299) giáp đường A và thửa đất này do Hợp tác xã T3 quản lý, đến năm 1991 Hợp tác xã T3 giải thể, bán cho 04 hộ nhưng không có hộ ông Đ. Như vậy, thửa đất ông Đ sử dụng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông P là thửa số 132, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 299); đối chiếu vị trí trên tờ bản đồ số 02 (bản đồ 299) thì thửa đất này không giáp đường 1A, mục đích sử dụng là đất thổ cư, không có đất giao thông (BL số 13, 72).

Về quá trình thu hồi đất: Năm 1995 hành lang giao thông đã được thu hồi phạm vi 13,5m tại địa bàn xã (phường) Q, ông Đ không kê khai bồi thường và cũng không có quyết định bồi thường cho hộ ông Đ. Phần đất hành lang giao thông thuộc thửa 207, tờ bản đồ số 02 vào năm 1995 cũng không có ai kê khai bồi thường khi thực hiện dự án PMU1.

Về hồ sơ cấp GCNQSDĐ của hộ ông Đ thể hiện: Giấy chuyển nhượng đất ông Đ cung cấp để xin cấp GCNQSDĐ năm 2015 ghi rõ người chuyển nhượng đất là bà T1 và các con ông P đều xác nhận chuyển nhượng đất phía Tây giáp hành

lang đường Quốc lộ 1A; tổng diện tích đất chuyển nhượng là 150m², được UBND thị xã H thừa nhận đã cấp GCNQSDĐ cho ông Đ diện tích 150m² vào năm 2015, không cấp hành lang giao thông 65,3m² và ông Đ không khiếu nại.

Ông Nguyễn Bá Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc sử dụng diện tích đất thuộc thửa 207, tờ bản đồ số 2 và đất hành lang giao thông đã được thu hồi năm 1995 khi thực hiện dự án PMU1. Việc UBND thị xã H căn cứ bản đồ 299 đo vẽ năm 1984 đến 1986, hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông Đ vào năm 2015 để so sánh vị trí các thửa đất và để xác định vị trí, nguồn gốc thửa đất của ông Đ là đúng quy định pháp luật nên ý kiến của ông Đ và người đại diện theo uỷ quyền yêu cầu chỉ căn cứ vào việc mua bán đất của ông Đ và gia đình ông P để xác định mặt phía Tây giáp đường Q là không có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 28/01/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Bá Đ do Chủ tịch UBND thị xã H ban hành là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền; về nội dung đã giải quyết khiếu nại đúng quy định của pháp luật.

[2.2.2] Đối với Quyết định 185/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của Chủ tịch UBND thị xã H về việc đình chỉ thời gian ban hành Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 28/01/2020 của Chủ tịch UBND thị xã H:

Xét thấy quyết định này chỉ đình chỉ về mặt thời gian ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của ông Đ do nhầm lẫn phát hành; không thay đổi về nội dung của Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 28/01/2020 của Chủ tịch UBND thị xã H nên kháng cáo của ông Đ là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Bá Đ; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Bá Đ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Bá Đ; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2022/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Bá Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính

phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm tại B1 lại thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012196 ngày 14/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng